

Số: 139/KH-MNCC

Cửu Cao, ngày 26 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024-2025

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND, ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên quyết định ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Trường Mầm non Cửu Cao xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

PHẦN MỘT

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TRƯỜNG MN CỬU CAO

Năm học 2024-2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Trường Mầm non Cửu Cao luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các đồng chí lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Văn Giang về công tác chuyên môn; sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể về công tác phát triển giáo dục mầm non của xã nhà, đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Trường gần khu đô thị Ecopak, đường giao thông đi lại thuận tiện, trình độ dân trí tại địa phương ở mức khá, người dân rất quan tâm đến giáo dục mầm non.

- Tháng 12 năm 2023 trường Mầm non Cửu Cao được UBND tỉnh Hưng Yên quyết định công nhận trường đạt chuẩn mức độ 2.

- Nhà trường có cảnh quan môi trường sư phạm khá tốt, cơ sở vật chất khang trang sạch sẽ, sân trường có cây xanh, bóng mát, có hoa tươi phù hợp với trường, lớp mầm non.

- Trường có 20 phòng học và 9 phòng chức năng, có bếp ăn bán trú đảm bảo quy trình 1 chiều, sạch sẽ, vệ sinh, ngăn nắp, có đủ đồ dùng của nhà bếp để phục vụ công tác tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường.

- 100% giáo viên là biên chế và có trình độ Cao đẳng sư phạm trở lên, trong đó có 10/32 CBGV có trình độ đại học SPMN, đa số giáo viên có chuyên môn vững vàng, đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, đủ điều kiện để thực

hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo chương trình GDMN quốc gia.

- Hiệu trưởng nhà trường rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

- Đa số phụ huynh trẻ quan tâm đến việc học tập của con em tại trường, nhiều phụ huynh có kinh tế ở mức trung bình khá trở lên so với mặt bằng chung, phụ huynh trẻ chủ yếu đi làm công nhân tại các khu công nghiệp lân cận và buôn bán nhỏ.

- Đa số trẻ trong nhà trường khỏe mạnh, nhận thức tốt, có thể thực hiện được chương trình giáo dục mầm non.

2. Khó khăn

- Một số giáo viên mới chưa năng động, sáng tạo trong công tác giảng dạy, khả năng tổ chức một số hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm hiệu quả chưa cao; tỷ lệ giáo viên trên lớp chưa đảm bảo theo quy định (mới đạt 1,45 GV/lớp).

- Một số trẻ lĩnh vực phát triển nhận thức và ngôn ngữ còn hạn chế, phát triển chưa đồng đều, trường có học sinh có biểu hiện rối loạn phát triển ngôn ngữ, giảm chú ý... có học sinh hiếu động nghịch, chưa chú ý đến các hoạt động giáo viên tổ chức.

3. Quy mô phát triển giáo dục

Tổng số nhóm, lớp: 20 nhóm, lớp; tổng số trẻ: 374 trẻ, trong đó:

- Khối mẫu giáo 5 tuổi: 4 lớp: 120 trẻ;
- Khối mẫu giáo 4 tuổi: 4 lớp: 94 trẻ;
- Khối mẫu giáo 3 tuổi: 4 lớp: 97 trẻ;
- Khối nhà trẻ: 8 nhóm: 63 trẻ.

4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

- Tổng số phòng học: 20 phòng (15 phòng kiên cố, 5 phòng bán kiên cố); 01 phòng đa chức năng.

- Nhà trường có đủ các phòng chức năng theo quy định (Phòng hội trường, phòng tin học, phòng y tế, kế toán, văn thư, phòng Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng...)

- Bếp ăn 100m² đạt tiêu chuẩn bếp ăn 1 chiều, có đủ các thiết bị cần thiết trong chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

- Các phòng học được trang bị các danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ theo quy định.

5. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

* **Tổng số: 39 đ/c; trong đó:**

- Ban giám hiệu: 03 đ/c trong đó: 03/3 đ/c có trình độ Đại học.
- Giáo viên: 29 đ/c trong đó: Trình độ Đại học: 7/29 đ/c = 24%; Trình độ Cao đẳng: 22/29 đ/c = 76%;
- Nhân viên nấu ăn: 4 đ/c; NV bảo vệ: 02; NV kế toán 01(Trình độ Đại học).

- Đội ngũ CBGVNV nhiệt tình, đoàn kết, chuyên môn vững vàng, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt cao, đủ điều kiện phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

6. Cơ cấu tổ chuyên môn: Số tổ chuyên môn: 4 tổ

- + Tổ 1: Nhà trẻ
- + Tổ 2: Mẫu giáo 3 tuổi
- + Tổ 3: Mẫu giáo 4 tuổi
- + Tổ 4: Mẫu giáo 5 tuổi

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non trường Mầm non Cửu Cao là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

Nhằm phát triển phẩm chất năng lực của trẻ phù hợp với mục tiêu chương trình GDMN và liên thông với chương trình GD phổ thông.

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục được quy định tại Chương trình giáo dục hiện hành và đạt mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ và đảm bảo công bằng, yêu thương, bình đẳng, nhân ái, tôn trọng trẻ; đề cao sự tham gia, liên kết chặt chẽ và phối hợp hiệu quả của cha mẹ trẻ, xã hội, cộng đồng phù hợp với bối cảnh địa phương và của nhà trường.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm và có tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực để phát huy, kích lệ tính chủ động, sáng tạo của trẻ, tăng cường rèn kỹ năng sống cho trẻ, kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ tạo cơ hội cho giáo viên phát huy tính chủ động sáng tạo trong tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

Đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý, tạo điều kiện cho các tổ chuyên môn, giáo viên được chủ động cụ thể hóa các Mục tiêu - Nội dung chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT sao cho phù hợp với văn hóa của địa phương, điều kiện của nhà trường, nhóm/lớp và khả năng, nhu cầu của trẻ.

Hướng trẻ tiếp cận dần với tiếng Anh, công nghệ số và giáo dục giới phù hợp độ tuổi. Giúp trẻ đáp ứng sự phát triển của xã hội hiện nay và biết bảo vệ bản thân, có ý thức trong định kiến giới.

Nhằm giúp cho cán bộ quản lý nhà trường có định hướng, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động chuyên môn và thực hiện chương trình giáo dục mầm non của nhà trường cuối mỗi chủ đề, học kì và cuối năm học.

PHẦN HAI

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp 100% trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng trong nhà trường phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- 98 - 100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- 100% trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.

- 100% trẻ Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.

- 100% trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

- 100% trẻ Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.

- 100% trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- 100% trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

- 100% trẻ có sự nhạy cảm của các giác quan.

- 100% trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- 100% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- 100% trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.

- 100% trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.

- 100% trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- 100% trẻ hồn nhiên trong giao tiếp.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- 100% trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.

- 100% trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- 100% trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Cửu Cao. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

+ Học kỳ I bắt đầu từ ngày 09/9/2024, kết thúc trước ngày 18/01/2025..
+ Hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II trước ngày 24/5/2025; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.

- Quy định số tuần học:

+ Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý ở nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
24 - 36 tháng	Cơm thường	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

- + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Một số bộ phận cơ thể của con người.
- Một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.
- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Mọi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

2. Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

3. Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với ng-ười thân và môi trường xung quanh.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

3. Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

6. Ứng dụng phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực.

- Ứng dụng phương pháp giáo dục Steam trong một số hoạt động.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Có khu vực đủ rộng cho trẻ chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ vận động.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

- Có khu vui chơi với cát, nước,...

2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm

non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

II - ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

PHẦN BA

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp 100% trẻ em từ 3 đến 6 tuổi trong nhà trường phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- 95-98% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- 100% trẻ có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- 100% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- 100% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- 100% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- 100% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- 100% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- 100% trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- 100% trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- 100% trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- 100% trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- 100% trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- 100% trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.

- 100% trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- 100% trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- 100% trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- 100% trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- 100% trẻ có ý thức về bản thân.

- 100% trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- 100% trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- 100% trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- 100% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- 100% trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- 100% trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- 100% trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

VI. LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH

- 65-90% trẻ có khả năng giới thiệu tên, tuổi... của bản thân bằng tiếng Anh.
- 65-90% trẻ có khả năng gọi(nói) tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.
- 70-90% trẻ nói được một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.

VII. TIẾP CẬN GIÁO DỤC GIỚI

- 65-95% trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...
- 70-90% trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình...
- 65-90% trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong trường mầm non Cửu Cao. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường.

- + Học kỳ I bắt đầu từ ngày 09/9/2024, kết thúc trước ngày 18/01/2025..
- + Hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II trước ngày 24/5/2025; kết thúc năm học trước ngày 31/5/2025.
- Quy định số tuần học:
- + Nhà trường xây dựng 35 tuần thực học (học kỳ I: 18 tuần, học kỳ II: 17 tuần).

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kỹ năng sống tích cực.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.

- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**a) Phát triển tình cảm**

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC****1. Hoạt động chơi**

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như- một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xuyên vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời

nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

6. Ứng dụng phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến của các nước trên thế giới và trong khu vực.

- Ứng dụng phương pháp giáo dục Steam trong một số hoạt động.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

- Khu phát triển thể chất.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ một cách phù hợp.

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

1. Mục tiêu- Nội dung giáo dục MG 5 tuổi

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
<p>* Phát triển vận động:</p> <p>MT 1: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo bản nhạc / bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<p>* Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp:</p> <p>- Động tác tay:</p> <p>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).</p> <p>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.</p> <p>- Động tác lưng, bụng, lườn:</p> <p>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải kết hợp hai tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang trái, sang phải.</p> <p>- Động tác chân:</p> <p>+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.</p> <p>+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.</p>
<p>MT 2: Trẻ thực hiện được các vận động:</p> <p>- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</p> <p>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay</p>	<p>- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.</p> <p>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay</p>
<p>MT 3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <p>- Đi lên, xuống trên ván kê dốc (Dài 2m,</p>	<p>- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.</p> <p>- Đi trên dây (dây đặt trên sàn).</p>

<p>rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ván kê dốc. - Đi nói bàn chân tiến, lùi. - Đi thẳng bằng trên ghế thể dục, đầu đội túi cát. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.
<p>MT 4: Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m) - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4- 5 lần liên tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng bằng 2 tay - Tung và bắt bóng với người đối diện - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung, đập và bắt bóng tại chỗ.
<p>MT5: Trẻ kiểm soát được vận động: Đi /chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng (dịch dắc) theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng (dịch dắc) theo hiệu lệnh.
<p>MT6: Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120m. - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100 - 120m. - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.
<p>MT7: Trẻ biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m và theo khả năng. - Bò đích dắc qua 7 - 9 điểm và theo khả năng. - Bò chui qua ống dài 1,5x 0,6m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m và theo khả năng. - Bò đích dắc qua 7 - 9 điểm và theo khả năng. - Bò chui qua ống dài 1,5x 0,6m.
<p>MT8: Trẻ thể hiện được tố chất nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tổng hợp : + Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây. + Ném trúng đích đứng (cao 1,5m,

<p>trong khoảng 10 giây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m) - Bò vòng qua 5 – 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. 	<p>xa 2m)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò vòng qua 5 – 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.
<p>MT 9: Trẻ biết nhảy lò cò 5m.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nhảy lò cò 5 bước liên tục không đổi chân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 5 m. - Nhảy lò cò 5 bước liên tục không đổi chân.
<p>MT 10: Trẻ biết trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm.
<p>MT 11: Trẻ biết chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
<p>MT 12: Trẻ biết trèo lên xuống 7 - 9 giống thang.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo lên xuống 7 - 9 giống thang.
<p>MT 13: Trẻ thực hiện được các vận động bật nhảy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 45 – 50 cm và theo khả năng. - Bật- nhảy từ trên cao xuống (40 – 45cm) và theo khả năng. - Bật tách chân, khép chân qua 7- 9 ô. - Bật qua vật cản cao 20 – 25 cm và theo khả năng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 45 – 50 cm và theo khả năng. - Bật- nhảy từ trên cao xuống (40 – 45cm) và theo khả năng. - Bật tách chân, khép chân qua 7- 9 ô. - Bật qua vật cản cao 20 – 25cm và theo khả năng.
<p>MT 14: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya) 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Cắt theo đường viền hình vẽ. - Tô, đồ theo nét. - Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya)
<p>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:</p> <p>MT 15: Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá... - Thực phẩm giàu Vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
<p>MT 16: Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

<p>MT 17: Trẻ biết một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
<p>MT 18: Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khoẻ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Ăn chín uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; Uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khoẻ.. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
<p>MT 19: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
<p>MT 20: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
<p>MT 21: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
<p>MT 22: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy 	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp. - Tập luyện một số thói quen tốt về

ra lớp.	<p>giữ gìn sức khoẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
<p>MT 23: Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. <p>(bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...)</p>
<p>MT 24: Trẻ biết những nơi; Hồ, ao, bể chứa nước; giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng (Hồ, ao, bể chứa nước; giếng, bụi rậm...)
<p>MT 25: Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng, nguy cơ không an toàn và mối nguy hại trong khi ăn uống và phòng tránh: + Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ... uống rượu, bia, cà phê; tự ý uống thuốc. + Uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá.

<p>MT 26: Trẻ nhận biết được một số trường hợp không oan toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... + Tránh một số trường hợp không an toàn: . Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. . Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
<p>MT 27: Trẻ thực hiện được một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số qui định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
<p>MT 28: Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ.
<p>MT 29: Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.
<p>MT 30: Trẻ tham gia được hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
<p>MT 31: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.
<p>LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</p>	
<p>MT 32: Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
<p>MT 33: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn, tự tin và bày tỏ ý kiến. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.

MT 34: Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bề ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 35: Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
MT 36: Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
MT 37: Trẻ tự làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)
MT 38: Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp, dọn đồ dùng đồ chơi...).
MT 39: Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc(Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói tranh ảnh, âm nhạc.
MT 40: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Biểu lộ cảm xúc của bản thân: Vui buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ.
MT 41: Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT 42: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).
MT 43: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT 44: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của xã Cửu Cao, quê hương Văn Giang, đất nước Việt Nam.	- Tìm hiểu về di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của xã Cửu Cao, quê hương Văn Giang. - Tìm hiểu về thủ đô Hà Nội...
MT 45: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)

MT 46: Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép
MT 47: Trẻ biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT 48: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
MT 49: Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
MT 50: Trẻ biết lắng nghe ý kiến trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Lắng nghe ý kiến trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn . - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè.
MT 51: Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
MT 52: Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
MT 53: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT 54: Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa).	- Nhận xét và bày tỏ thái độ đối với các hành vi "đúng" – "sai", "tốt"– "xấu".
MT 55: Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước. - Ăn hết suất.
MT 56: Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.
MT 57: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.
MT 58: Trẻ biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.
MT 59: Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.
MT 60: Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT 61: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.
MT 62: Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong	- Hoà đồng với bạn bè trong nhóm

nhóm chơi.	chơi.
MT 63: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi khi cần thiết.
MT 64: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.
MT 65: Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên trong các hoạt động.
MT 66: Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Thân thiện, đoàn kết, quan tâm đến bạn bè.
MT 67: Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.
MT 68: Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	- Mạnh dạn đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
MT 69: Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.
MT 70: Trẻ biết tự bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.	- Dạy trẻ bộc lộ bản thân không bị ràng buộc bởi giới tính của mình.
MT 71: Trẻ nhận diện được các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.	- Nhận diện các tình huống mang tính định kiến, khuôn mẫu giới, các nguy cơ bạo lực giới và xâm hại tình dục.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT 72: Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: " các bạn có cái tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái".	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
MT 73: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: (Phương tiện giao thông, động, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...))	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. (Phương tiện giao thông, động, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...))
MT 74: Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 75: Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
MT 76: Trẻ nghe và hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

MT 77: Trẻ thích nghe bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT 78: Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người khác nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
MT 79: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
MT 80: Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
MT 81: Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
MT 82: Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT 83: Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung câu truyện.
MT 84: Trẻ biết đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.
MT 85: Trẻ biết sử dụng các từ: "Cảm ơn"; "Xin lỗi"; "xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ: "Cảm ơn"; "Xin lỗi"; "xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"... phù hợp với tình huống.
MT 86: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT 87: Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.
MT 88: Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. - Trẻ biết kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi, kể chuyện tiếp nối theo chuyện kể của cô...	- Kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi. - Kể chuyện theo tranh có chủ đề. - Kể chuyện theo kinh nghiệm. - Kể chuyện tiếp nối theo chuyện kể của cô. - Đặt tên cho truyện được nghe. - Kể chuyện theo chủ đề tự chọn/kể chuyện tự do.
MT 89: Trẻ biết trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Do đâu mà có?"...	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Do đâu mà có?"...

- Trẻ biết đặt các câu hỏi "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì"...	- Trẻ biết đặt các câu hỏi "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì"...
MT 90: Trẻ biết phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
MT 91: Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn và bảo vệ sách.
MT 92: Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).
MT 93: Trẻ biết nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái.
MT 94: Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
MT 95: Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi: vui, buồn, âu yếm, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
MT 96: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm, hình tượng trong sinh hoạt hàng ngày.
MT 97: Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân
MT 98: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.

MT 99: Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Tự khởi xướng cuộc trò chuyện với bạn bè, người lớn.
MT 100: Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 101: Trẻ không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.
MT 102: Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.
MT 103: Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.
MT 104: Trẻ không nói tục, chửi bậy.	- Không nói tục, chửi bậy trong mọi sinh hoạt hàng ngày.
MT 105: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Nhận biết và phát âm đúng những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh.
MT 106: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	- Dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... thay cho lời nói.
MT 107: Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* Khám phá khoa học:	
MT 108: Trẻ biết chức năng của các giác quan và các bộ phận cơ thể.	- Chức năng các giác quan và các bộ phận cơ thể.
MT 109: Trẻ biết phân loại 4 nhóm thực phẩm cần thiết cho cơ thể bé.	- Phân loại 4 nhóm thực phẩm
MT 110: Trẻ biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 – 3 dấu hiệu.
MT 111: Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: "Tại sao có mưa".	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
MT 112: Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
MT 113: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, với môi trường sống.
MT 114: Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 115: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
MT 116: Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện, biển báo giao thông và phân loại một số loại theo 2- 3 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại một số loại theo 2- 3 dấu hiệu.
MT 117: Trẻ biết một số biển báo và luật giao thông đường bộ đơn giản.	- Một số biển báo và luật giao thông đường bộ đơn giản.
MT 118: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.
MT 119: Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Kể tên trường học, bệnh viện, nhà văn hóa, khu vui chơi đô thị Vincom, Ecopak...
MT 120: Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: "Nắp cốc có những giọt nước do nước bốc hơi".	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nước và cách bảo vệ nguồn nước.

MT 121: Trẻ biết không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 122: Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
MT 123: Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
MT 124: Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của nó.
MT 125: Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.
* Làm quen với Toán: MT 126: Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Đây là mấy?"...	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu?"; "Đây là mấy?"...
MT 127: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT 128: Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 6. - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 7. - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 8. - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 9. - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10.
MT 129: Trẻ biết tách/ gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Gộp/tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách/gộp nhóm có 6 đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách/gộp nhóm có 7 đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách/gộp nhóm có 8 đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Tách/gộp nhóm có 9 đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.

	- Tách/gộp nhóm có 10 đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT 130: Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)
MT 131: Trẻ nhận biết các số từ 5 -12 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 12. + Đếm đến 6, nhận biết nhóm có 6 đối tượng, nhận biết số 6. + Đếm đến 7, nhận biết nhóm có 7 đối tượng, nhận biết số 7. + Đếm đến 8, nhận biết nhóm có 8 đối tượng, nhận biết số 8. + Đếm đến 9, nhận biết nhóm có 9 đối tượng, nhận biết số 9. + Đếm đến 10, 11, 12 nhận biết nhóm có 12 đối tượng, nhận biết số 10,11, 12. + Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 12.
MT 132: Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT 133: Trẻ biết gọi tên và chỉ ra điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
MT 134: Trẻ biết chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	- Chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 135: Trẻ biết tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
MT 136: Trẻ biết sử dụng lời nói hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật(phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT 137: Trẻ biết gọi tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần. - Tìm hiểu các mùa trong năm.

MT 138: Trẻ nhận biết được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.
MT 139: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Nói ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.
MT 140: Trẻ biết ghép thành cặp những đối tượng có mối tương quan.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối tương quan.
MT 141: Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Sắp xếp theo qui tắc. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Tạo ra qui tắc sắp xếp.
* Khám phá xã hội:	
MT 142: Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
MT 143: Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 144: Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
MT 145: Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT 146: Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói (Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây lên những ngôi nhà mới).	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của nghề nông và nghề xây dựng.
MT 147: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT 148: Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại... khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ số điện thoại, gia đình.
MT 149: Trẻ biết một số kiểu nhà gia đình ở.	- Kiểu nhà gia đình ở.
MT 150: Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ: “ Ngày quốc khánh (ngày 2/ 9)	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội:

cả phố em treo cờ, bố mẹ em được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”	<ul style="list-style-type: none"> + Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. + Tết trung thu. + Ngày Nhà giáo Việt Nam. + Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. + Tết Nguyên Đán. + Ngày hội của bà của mẹ. + Ngày sinh nhật Bác...
MT 151: Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương Văn Giang. - Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của thủ đô Hà Nội...
MT 152: Trẻ biết Bác Hồ là vị lãnh tụ của nước ta. Khi còn sống Bác rất yêu quý các cháu thiếu niên, nhi đồng...	- Bác Hồ kính yêu.
MT 153: Trẻ biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
MT 154: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	- Giải thích mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.
MT 155: Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	- Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.
MT: 156: Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...	- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau...
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
MT 157: Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 158: Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm thiết tha) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu

	chuyện.
MT 159: Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục,) của tác phẩm tạo hình.	- Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, bố cục, hình dáng) của tác phẩm tạo hình.
MT 160: Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 161: Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT 162: Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 163: Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
MT 164: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 165: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 166: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 167: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình, gấp, ghép, gấp... để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình, gấp, ghép, gấp... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 168: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.
MT 169: Trẻ biết đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
MT 170: Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

MT 171: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo theo tiết tấu tự chọn.	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo theo tiết tấu tự chọn.
MT 172: Trẻ biết tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 173: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng ý tạo hình của mình.
MT 174: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

2.2. Mục tiêu- Nội dung giáo dục MG 4 tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a) Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe:	
MT 1: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm (Thịt, cá...có nhiều chất đạm. Rau, quả chín có nhiều vitamin...)	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng, vật thật...).
MT 2: Trẻ nhận biết và nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản; Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng, Biết cách uống nước tốt cho sức khỏe.	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT 3: Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở (Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. Đeo khẩu trang, tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn...)	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định... - Đeo tháo khẩu trang đúng cách.
MT 4: Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
MT 5: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, uống đủ nước... - Không uống nước lã.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Uống đủ nước tốt cho sức khỏe.

<p>MT 6: Trẻ biết tập luyện một số hành vi trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày, đeo khẩu trang khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Vệ sinh răng miệng, không đưa tay lên mắt mũi miệng - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.
<p>MT 7: Trẻ nhận ra những đồ vật, những nơi nguy hiểm; bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước....là nguy hiểm, không đến gần, không nên nghịch.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng.
<p>MT 8: Trẻ biết một số hành động, nguy hiểm biết phòng tránh khi được nhắc nhở, trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động, trường hợp nguy hiểm đến tính mạng: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.

<p>MT 9: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
<p>b/ PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG:</p> <p>MT 10: Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Thẻ đục sáo & BTPTC - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
<p>MT 11: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi, bước (Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.....)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi kiễng gót, bằng gót chân. - Đi khuyu gối. - Đi bước lùi. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước dòn trước. - Đi bước dòn ngang. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng (dịch dắc) theo vật chuẩn.
<p>MT 12: Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.

<p>hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc, chạy nhanh, chạy chậm).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn. - Chạy chậm 70 – 90 m. - Chạy 15 m trong khoảng 10 giây.
<p>MT 13: Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách từ 2.5 - 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. Ném trúng đích nằm ngang. (đích xa 2m). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu. - Chuyển, bắt bóng qua chân. - Đập và bắt bóng tại chỗ.
<p>MT 14: Trẻ biết phối hợp chân tay trong thực hiện vận động bò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 m trở lên. - Bò đích dắc qua 4 - 6 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 m x 0,6 m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 m trở lên. - Bò đích dắc qua 4 - 6 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 m x 0,6 m.
<p>MT 15: Trẻ biết trườn theo hướng thẳng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn theo hướng thẳng.
<p>MT 16: Trẻ thực hiện được một số vận động trèo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang.
<p>MT 17: Trẻ thực hiện tốt các vận động bật nhảy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước theo khả năng. - Bật xa từ 35 cm trở lên - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5-7 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15 cm - Trẻ biết nhảy lò cò 4 -5 m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước theo khả năng (Bật liên tục vào vòng). - Bật xa từ 35 cm trở lên. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35 cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5-7 ô. - Bật qua vật cản cao 10- 15 cm - Nhảy lò cò 4 -5 m
<p>MT 18: Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). 	<p>Bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (4-5 điểm

- Bò trong đường dích dắc (4 - 5 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.
MT 19: Trẻ thực hiện, phối hợp được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay. - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 khối trở lên - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay. - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nối ... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* Khám phá xã hội: MT 20: Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân, khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT 21: Trẻ biết nói họ, tên và công việc, của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Một số nhu cầu của gia đình.
MT 22: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình. - Tên, địa chỉ của trường lớp.
MT 23: Trẻ nhận biết được một số kiểu nhà gia đình ở.	- Ngôi nhà gia đình bé ở.
MT 24: Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
MT 25: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT 26: Trẻ nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau... - Trẻ biết cách phòng tránh bạo lực, xâm hại tình dục	- Nhận ra sự khác biệt giới của bản thân và người khác qua sở thích, nhu cầu, đặc điểm, vai trò, vị thế khác nhau... - Nhận biết một số tình huống, nguy cơ xâm hại
MT 27: Trẻ kể tên, công việc, công cụ,	- Tên gọi, công việc, công cụ, sản

sản phẩm/ích lợi ... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	phẩm, các hoạt động và ý nghĩa ... của một số nghề.
MT 28: Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	<ul style="list-style-type: none"> + Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. + Tết trung thu. + Ngày Nhà giáo Việt Nam. + Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. + Tết Nguyên Đán. + Ngày hội của bà của mẹ. + Ngày sinh nhật Bác...
MT 29: Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Tìm hiểu về cảnh đẹp, di tích lịch sử của quê hương Văn Giang.
MT 30: Trẻ biết Bác Hồ là vị lãnh tụ của nước ta. Khi còn sống Bác rất yêu quý các cháu thiếu niên, nhi đồng ...	- Bác Hồ kính yêu.
<p>* Khám phá khoa học:</p> <p>MT 31: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướm?”....</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
MT 32: Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT 33: Trẻ biết chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể, biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
MT 34: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước.

<p>MT 35: Trẻ biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
<p>MT 36: Trẻ biết không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết bảo vệ môi trường, biết thích ứng với biến đổi khí hậu 	<ul style="list-style-type: none"> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Môi trường, biến đổi khí hậu
<p>MT 37: Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
<p>MT 38: Trẻ biết đặc điểm, công dụng, phân loại các đối tượng theo theo 1 - 2 dấu hiệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu
<p>MT 39: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, nhận xét, phán đoán mối liên hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.
<p>MT 40: Trẻ biết một số biển báo và luật giao thôngđơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số biển báo và luật giao thông đơn giản.
<p>MT 41: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
<p>MT 42: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
<p>MT 43: Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc

nhạc và tạo hình...	và tạo hình... + Hát, múa ... + Vẽ, nặn, xé, dán...
* Làm quen với toán: MT 44: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “bao nhiêu?”; “là số mấy?”...	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh.
MT 45: Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10, so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10.
MT 46: Trẻ biết tách, gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 7, đếm và nói kết quả.	- Tách, gộp nhóm có 3, 4, 5, 6, 7 đối tượng.
MT 47: Trẻ biết sử dụng các số từ 1-7 để chỉ số lượng tương ứng, và nhận biết số theo khả năng.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 7 và theo khả năng.
MT 48: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
MT 49: Trẻ biết so sánh, sắp xếp kích thước của 2, 3 đối tượng.	- So sánh, sắp xếp kích thước của 3 đối tượng: cao hơn - thấp hơn - thấp nhất, dài nhất - ngắn hơn - ngắn nhất. - So sánh kích thước của 2 đối tượng: Rộng - hẹp.
MT 50: Trẻ biết phân loại các nhóm đối tượng theo đặc điểm hay dấu hiệu nào đó về màu sắc, kích thước.	- Phân thành 2 nhóm theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân thành 3 nhóm theo 1 - 2 dấu hiệu.
MT 51: Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Sắp xếp theo qui tắc. - So sánh, phát hiện qui tắc và sắp xếp theo qui tắc.
MT 52: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
MT 53: Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...) trẻ biết phân loại hình theo dấu hiệu	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. + Phân loại hình tròn với hình

	vuông, hình tam giác, hình chữ nhật theo 1, 2 dấu hiệu. + Phân loại hình theo 1, 2 dấu hiệu.
MT 54: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.
MT 55: Trẻ biết chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	- Chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
MT 56: Trẻ xác định được vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT 57: Trẻ biết xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi, ghép các đối tượng có mối liên quan.	- Xếp tương ứng 1- 1. - Ghép đôi, ghép các đối tượng có mối liên quan.
MT 58: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT 59: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
MT 60: Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
MT 61: Trẻ biết lắng nghe, hiểu và trao đổi với người đối thoại.	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
MT 62: Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
MT 63: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm rõ các tiếng có chứa các âm khó.
MT 64: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...
MT 65: Trẻ biết bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.

MT 66: Trẻ biết trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”....	- Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”....
MT 67: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
MT 68: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT 69: Trẻ kể lại được truyện đã được nghe. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Kể chuyện có mở đầu và kết thúc - Đóng kịch
MT 70: Trẻ biết tập kể chuyện sáng tạo (kể lại sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự, kể theo tranh, kể chuyện bằng đồ vật, đồ chơi.. kể chuyện có mở đầu và kết thúc, đặt tên cho truyện kể)	- Kể chuyện theo đồ vật, đồ chơi. - Kể chuyện theo tranh. - Kể chuyện theo kinh nghiệm. - Kể tiếp và kết thúc truyện. - Tập đặt tên cho truyện kể, truyện được nghe.
MT 71: Trẻ biết mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
MT 72: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.
MT 73: Trẻ biết sử dụng, điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT 74: Trẻ nhận ra 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ)	- Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...).
MT 75: Trẻ nhận dạng được 1 số chữ cái, tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Nhận dạng 1 số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
MT 76: Trẻ biết chọn sách, phân biệt được phần đầu và phần kết thúc của sách, giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Phân biệt phần mở đầu và kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
MT 77: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “Viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	- Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.
MT 78: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa. (“Đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang

	phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu.
MT 79: Trẻ biết “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
MT 80: Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; ...trong giao tiếp.	- Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; ...trong giao tiếp.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
Âm nhạc	
MT 81: Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 82: Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát vỗ tay nhún nhảy lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ và câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
MT 83: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát nét mặt điệu bộ.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT 84: Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa...).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT 85: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
MT 86: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
Tạo hình	
MT 87: Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 88: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu, biết phối hợp các kỹ năng xếp	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.

hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT 89: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn... tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 90: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 91: Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong... đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 92: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình, lắp ghép, gấp... để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các kỹ năng xếp hình, lắp ghép, gấp... để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau
MT 93: Trẻ biết nói lên ý tưởng, nhận xét, đặt tên cho các sản phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT 94: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ....	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi giới tính của bản thân. - Tên bố, mẹ....
MT 95: Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở thích và khả năng của bản thân.
MT 96: Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
MT 97: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...).	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi...)
MT 98: Trẻ nhận biết cảm xúc, biểu lộ trạng thái tình cảm phù hợp qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, tranh ảnh, bài hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng cảm xúc(vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp

	hình.
MT 99: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu, nhớ ơn Bác Hồ.
MT 100: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
MT 101: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ...	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường...).
MT 102: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT 103: Trẻ chú ý nghe, phân biệt hành vi “Đúng” – “Sai”, “Tốt”- “Xấu”.	- Chú ý nghe khi cô nói, bạn nói. - Phân biệt hành vi “Đúng”-“Sai”, “Tốt”- “Xấu”.
MT 104: Trẻ biết trao đổi thỏa thuận, chờ đến lượt để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- Quan tâm giúp đỡ bạn. - Chờ đến lượt, hợp tác.
MT 105: Trẻ thích chăm sóc con vật thân thuộc, chăm sóc cây không bẻ cành ngắt hoa...	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Không bẻ cành ngắt hoa.
MT 106: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, biết bỏ rác đúng nơi qui định, tắt quạt, tắt điện... khi ra khỏi phòng...	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường...
MT 107: Trẻ biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình và những người xung quanh.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình và những người xung quanh.

2.3. Mục tiêu- Nội dung giáo dục độ tuổi MG 3 tuổi

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a) Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe: MT1: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày (Trứng rán, cá kho, canh rau...) Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh. (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

<p>MT2: Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>	<p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</p>
<p>MT3: Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo... 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
<p>MT4: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</p>	<p>- Sử dụng bát thìa, cốc đúng cách.</p>
<p>MT5: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Uống nước đã đun sôi, không ăn đồ ôi thiu... - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
<p>MT6: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. -Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
<p>MT7: Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn ghế, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn ghế, bếp đang đun, phích nước nóng...)</p>
<p>MT8: Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng (ao, hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi).</p>
<p>MT9: Trẻ nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</p>
<p>MT10: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn những quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - Không cười đùa khi ăn uống hoặc khi ăn những quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch những vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi trường, lớp.

<p>b) Phát triển vận động: MT11: Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
<p>MT 12: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m) - Đi kiễng gót liên tục 3-4m và theo khả năng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đi kiễng gót liên tục 3-4m và theo khả năng. - Đi theo đường dích dắc. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
<p>MT 13: Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. - Trẻ biết thể hiện sự nhanh nhẹn khi thực hiện vận động : + Chạy 15m trở lên theo hướng thẳng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. - Chạy 15m trở lên theo hướng thẳng.
<p>MT14: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động tung ném, bắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng hai tay. - Tung bóng cho cô. - Tung và bắt bóng với cô bằng 2 tay. - Đập - bắt bóng với cô. - Lăn bóng với cô. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng một tay. - Ném xa bằng hai tay.
<p>MT15: Trẻ biết thể hiện sự khéo léo trong thực hiện vận động bò:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng. - Bò chui qua cổng.

<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng. - Bò chui qua cổng. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. - Bò trong đường đích dắc 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. -Bò trong đường đích dắc
MT16: Trẻ biết bước lên, xuống bục (cao 30- 35cm).	- Bước lên, bật xuống bục cao 30-35cm.
MT17: Trẻ biết phối hợp chân tay trườn được theo hướng thẳng.	- Trườn theo hướng thẳng.
MT18: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong vận động chuyền bóng: <ul style="list-style-type: none"> - Chuyền và bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Chuyền và bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang.
MT19: Trẻ thực hiện được vận động bật, nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật nhảy tại chỗ. - Bật tiến về phía trước. - Bật xa 20 - 30 cm.
MT 20: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng được 15m trở lên - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). <ul style="list-style-type: none"> - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng được 15m trở lên - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.
MT 21: Trẻ thực hiện được các vận động: <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. 	- Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.
MT 22: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ và xếp theo khả năng. - Tự cài, cởi cúc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
<p>a) Khám phá khoa học: * Xem xét, tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng: MT23: Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.

<p>MT24: Trẻ nhận biết được một số hiện tượng tự nhiên: nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p>	<p>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</p>
<p>MT25: Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</p>	<p>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</p>
<p>MT26: Trẻ biết được một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Trẻ nhận biết được một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm</p>	<p>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</p>
<p>MT27: Trẻ biết được một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>	<p>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</p>
<p>MT28: Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. -Trẻ biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p>	<p>- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</p>
<p>MT29: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>	<p>- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>
<p>MT30: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>	<p>- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>
<p>MT31: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.</p>	<p>- Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.</p>
<p>* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản: MT32: Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.</p>	<p>- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p>
<p>MT33: Trẻ biết được mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p>	<p>- Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.</p>
<p>MT34: Trẻ biết cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật gần gũi,</p>	<p>- Cách chăm sóc, bảo vệ cây, con vật gần gũi.</p>
<p>* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng</p>	

<p>các cách khác nhau: MT35: Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p>	<p>- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p>
<p>MT36: Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p>	<p>- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p>
<p>MT37: Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</p>
<p>MT38: Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>	<p>- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>
<p>MT39: Trẻ biết một số luật giao thông đơn giản.</p>	<p>- Luật giao thông.</p>
<p>MT40: Trẻ biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</p>	<p>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</p>
<p>b) Khám phá xã hội: * Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng: MT41: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.</p>
<p>MT42: Trẻ nói được tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</p>	<p>- Tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình.</p>
<p>MT43: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>- Địa chỉ gia đình.</p>
<p>MT44: Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện, các hoạt động của trẻ ở trường</p>	<p>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</p>
<p>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống của địa phương. MT45: Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.</p>	<p>- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.</p>
<p>* Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. MT46: Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.</p>	<p>- Ngày hội đến trường của bé. - Tết trung thu. - Ngày Nhà giáo Việt Nam. - Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. - Tết Nguyên Đán. - Ngày hội của bà của mẹ. - Ngày sinh nhật Bác...</p>

<p>MT47: Trẻ kể được tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.</p>	<p>- Cờ Tổ quốc, tên các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.</p>
<p>c) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán: * Nhận biết số đếm, số lượng: MT48: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p>	<p>- Đếm vẹt. - Đếm theo khả năng. - Sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</p>
<p>MT49: Trẻ biết đếm trên các đối tượng và đếm đến 5 và đếm theo khả năng. Nhận biết số từ 1 đến 5.</p>	<p>- Đếm đến 2, nhận biết nhóm có 2 đối tượng, nhận biết số 2 - Đếm đến 3, nhận biết nhóm có 3 đối tượng, nhận biết số 3 - Đếm đến 4, nhận biết nhóm có 4 đối tượng. nhận biết số 4 - Đếm đến 5, nhận biết nhóm có 5 đối tượng 5 và đếm theo khả năng, Nhận biết số 5.</p>
<p>MT 50: Trẻ nhận biết số lượng 1 và nhiều.</p>	<p>- Nhận biết 1 và nhiều.</p>
<p>MT 51: Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<p>- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 3. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 4. - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5.</p>
<p>MT52: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. - Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p>	<p>- Tách, gộp nhóm có 2 đối tượng. - Tách, gộp nhóm có 3 đối tượng. - Tách, gộp nhóm có 4 đối tượng. - Tách, gộp nhóm có 5 đối tượng.</p>
<p>MT53: Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, Ghép đôi, ghép những đối tượng có mối liên quan. - Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.</p>	<p>- Xếp tương ứng 1-1. - Ghép đôi. - Xếp xen kẽ. - Sắp xếp theo quy tắc.</p>
<p>* So sánh hai đối tượng: MT54: Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.</p>	<p>- So sánh độ lớn của 2 đối tượng. - So sánh chiều cao của 2 đối tượng. - So sánh chiều dài của 2 đối tượng.</p>

<p>MT55: Trẻ biết phân loại tạo thành các nhóm đối tượng theo đặc điểm hay dấu hiệu nào đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân thành 2 nhóm theo 1 dấu hiệu màu sắc. - Phân thành 2 nhóm theo 1 dấu hiệu kích thước. - Phân thành 2 nhóm theo 1 dấu hiệu hình dạng. - Phân thành 2 nhóm theo 2 dấu hiệu: màu sắc và kích thước. - Phân thành 2 nhóm theo 2 dấu hiệu: màu sắc và hình dạng. - Phân thành 2 nhóm theo 2 dấu hiệu kích thước và hình dạng.
<p>* Nhận biết hình dạng: MT56: Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.</p>	<p>- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.</p>
<p>MT57: Trẻ biết sử dụng các hình học để ghép.</p>	<p>- Sử dụng các hình hình học để ghép.</p>
<p>* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian: MT58: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau của bản thân. - Nhận biết tay phải – tay trái của bản thân.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
<p>* Nghe hiểu lời nói: MT59: Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.</p>	<p>- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.</p>
<p>MT60: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...</p>	<p>- Hiểu từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...</p>
<p>MT61: Trẻ hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.</p>	<p>- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.</p>
<p>MT62: Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.</p>	<p>- Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.</p>
<p>MT63: Trẻ nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</p>
<p>MT64: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</p>
<p>MT65: Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù</p>	<p>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với</p>

hợp với độ tuổi.	độ tuổi.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.	
MT66: Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
MT67: Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...
MT68: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
MT69: Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”.	- Trả lời và đặt câu hỏi “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”.
MT70: Trẻ biết kể chuyện sáng tạo - Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim... - Trẻ biết đặt tên cho câu chuyện được nghe - Trẻ mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh đồ vật có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đặt tên cho câu chuyện được nghe - Kể chuyện theo đồ chơi...
MT71: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT72: Trẻ biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. - Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT73: Trẻ biết sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ chỉ sự lễ phép.
MT74: Trẻ biết nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT75: Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
* Làm quen với việc đọc viết :	
MT76: Trẻ biết một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
MT77: Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cầm sách đúng chiều, mở sách,

	xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
MT78: Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.
MT79: Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
* Thể hiện ý thức về bản thân: MT 80: Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, nói được điều bé thích, không thích. Tôn trọng bản thân và người khác. - Trẻ nhận biết một số trường hợp khi bị bạo lực giới và xâm hại.	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích. - Nhận biết một số trường hợp khi bị bạo lực giới và xâm hại.
* Thể hiện sự tự tin, tự lực: MT81: Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi.
MT82: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...)	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, cất ghế...
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh: MT83: Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT84: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
MT85: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
MT86: Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
MT87: Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội tốt: MT88: Trẻ thực hiện được một số qui	- Một số qui định ở lớp và ở gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng

định của lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cát đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ...	chỗ) - Vâng lời bố mẹ...
MT89: Trẻ yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột...	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột...
MT90: Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).
MT91: Trẻ nhận biết được hành vi “đúng » - « sai »; « tốt »- « xấu ».	- Nhận biết hành vi “đúng » - « sai »; « tốt »- « xấu ».
MT92: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.
MT93: Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt.
MT94: Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn.
* Quan tâm đến môi trường xung quanh:	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên.
MT95: Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây, con vật.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.
MT96: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT97: Trẻ biết tiết kiệm điện nước.	- Tiết kiệm điện, nước.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật:	
MT98: Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT99: Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca), bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể chuyện.
MT100: Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
MT101: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ đệm theo phách, nhịp.

MT102: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
MT103: Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT104: Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý. - Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT105: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang... tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT106: Trẻ biết xé theo dải, xé vụn...xếp và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé, xếp dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT107: Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt... đất nặn để tạo thành sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT108: Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách, chắp ghép, gấp...tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình, chắp ghép, gấp... để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT109: Trẻ biết nhận xét và đặt tên các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình. - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

2.4. Mục tiêu- Nội dung giáo dục độ tuổi Nhà trẻ 24-36 tháng

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
- MT 1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục : Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: + Hô hấp : Tập hít vào, thở ra. + Tay : Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. + Lưng, bụng, lườn : Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. + Chân : Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
- MT 2: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp	- Đi theo hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay.

có bê vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bước vào các ô - Đi theo đường ngoằn ngoèo. - Đi bước qua gậy kê cao. - Chạy theo hướng thẳng. - Đi kết hợp với chạy. - Chạy đổi hướng.
- MT 3: Trẻ biết đứng co 1 chân.	- Đứng co 1 chân.
- MT 4: Trẻ biết bước lên xuống bậc.	- Bước lên xuống bậc cao 15cm (5 – 7 bậc)
- MT 5: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> - Tung - bắt bóng cùng cô. - Tung bóng bằng 2 tay.(không có) - Tung bóng qua dây. (không có) - Ném bóng vào đích.
- MT 6: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò thẳng hướng theo đường hẹp. - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản.
- MT 7: Trẻ biết bật tại chỗ.	- Bật tại chỗ.
- MT 8: Trẻ biết bật qua vạch kẻ.	- Bật qua vạch kẻ.
- MT 9: Trẻ biết bật xa bằng 2 chân.	- Bật xa 15cm và theo khả năng.
- MT 10: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> - Ném bóng về phía trước. - Đá bóng.
- MT 11: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện « múa khéo ».	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - Thực hiện « múa khéo ».
- MT 12: Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối và theo khả năng. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
- MT 13: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
- MT 14: Trẻ có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt:	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện thói quen ngủ một giấc buổi trưa. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt

	<p>trong ăn uống.</p> <p>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định</p>
- MT 15: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
- MT 16: Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	<p>- Tập tự phục vụ:</p> <p>+ Xúc cơm, uống nước.</p> <p>+ Chuẩn bị chỗ ngủ.</p> <p>+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.</p>
- MT 17: Trẻ biết nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
- MT 18: Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
- MT 19: Trẻ biết tập làm một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
- MT 20: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giềng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
- MT 21: Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
- MT 22: Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan : Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<p>- Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</p> <p>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.</p> <p>- Nếm vị của một số thức ăn, quả (mặn, chua, ngọt).</p> <p>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của 1 số con vật quen thuộc.</p>
- MT 23: Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
- MT 24: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<p>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.</p> <p>- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.</p> <p>- Tên và công việc của những người</p>

	thân gần gũi trong gia đình.
- MT 25: Trẻ nói được 1 số hoạt động của cô và bé.	- Một số hoạt động của cô và bé.
- MT 26: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
- MT 27: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc
- MT 28: Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
- MT 29: Trẻ biết tên cô giáo, một số đặc điểm nổi bật, hoạt động của nhóm/lớp.	- Tên cô giáo, một số đặc điểm nổi bật, hoạt động của nhóm/lớp.
- MT 30: Trẻ biết được tên gọi, ý nghĩa về ngày hội, ngày lễ trong năm.	- Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. - Tết trung thu. - Ngày Nhà giáo Việt Nam. - Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. - Tết Nguyên Đán. - Ngày hội của bà của mẹ.
MT31: Trẻ nhận biết được một số hiện tượng tự nhiên: nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Nhận biết được mùa xuân, mùa hè.	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Nhận biết mùa xuân, mùa hè.
MT 32: Trẻ biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. Trẻ biết bảo vệ nguồn nước.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Bảo vệ nguồn nước.
- MT 33: Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.
- MT 34: Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ/ theo yêu cầu.	- Kích thước (to – nhỏ)
- MT 35: Trẻ nhận biết được hình tròn, hình vuông.	- Hình dạng (Hình tròn, hình vuông)

- MT 36: Trẻ nhận biết được vị trí không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.	- Vị trí không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
- MT 37: Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, đếm theo khả năng.	- Đếm vẹt. - Đếm theo khả năng.
- MT 38: Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 3.	- Đếm đến 2. - Đếm đến 3.
- MT 39: Trẻ nhận biết số lượng (một - nhiều)	- Số lượng (một - nhiều)
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
- MT 40: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: « Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay! ».	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
- MT 41: Trẻ biết lắng nghe các câu hỏi: « Cái gì? »; « Làm gì? »; « Ở đâu? »; « Như thế nào? »	- Nghe các câu hỏi: « Cái gì? »; « Làm gì? » <<Để làm gì>>; « Ở đâu? »; « Như thế nào? »
- MT 42: Trẻ lắng nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
- MT 43: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
- MT 44: Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi: « Ai đây? » « Cái gì đây? », « ...làm gì? », « ở đâu » « ...thế nào? », « tại sao » (Ví dụ: con gà gáy thế nào? »...).	- Trả lời và đặt câu hỏi: « Cái gì? »; « Làm gì? »; « Ở đâu? »; «... thế nào? » « Để làm gì? », « Tại sao »...
- MT 45: Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm rõ tiếng.
- MT 46: Trẻ thể hiện được nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
- MT 47: Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.
- MT 48: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
- MT 49: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Nói câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
- MT 50: Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.

- MT 51: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau : + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như : « Con gì đây ? Cái gì đây ? »	- Sử dụng các lời nói với các mục đích khác nhau : + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: «Con gì đây ? Cái gì đây ? »
- MT 52: Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
- MT 53: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách.
- MT 54: Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ	
- MT 55: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Thể hiện điều mình thích và không thích.
- MT 56: Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
- MT 57: Trẻ nhận biết được một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
- MT 58: Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản của giáo viên.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
- MT 59: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Thích giao tiếp với những người xung quanh bằng cử chỉ, lời nói.
- MT 60: Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận.
- MT 61: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận.
- MT 62: Trẻ biết giao tiếp với những người xung quanh.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
- MT 63: Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt hươc tiếng kêu, gọi.	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi : bắt hươc tiếng kêu, gọi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
- MT 64: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ « dạ », « vâng ạ. » ; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
- MT 65: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không cầu bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
- MT 66: Trẻ biết thể hiện một số hành	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.

vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuôn bột cho em bé, nghe điện thoại...)	
- MT 67: Trẻ biết thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
- MT 68: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
- MT 69: Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.
- MT 70: Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, chấp ghép,... (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, chấp ghép,...
- MT 71: Trẻ biết xem tranh.	- Xem tranh.
- MT 72: Trẻ biết xếp, dán các hình tạo thành sản phẩm.	- Xếp, dán các hình để tạo thành sản phẩm.

MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHO TRẺ MẪU GIÁO LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
- Trẻ biết giới thiệu tên, tuổi... của bản thân bằng tiếng Anh.	- Giới thiệu về bản thân trẻ.
- Trẻ biết gọi (nói) tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.	- Gọi tên một số đồ vật, con vật, cây cối, hoa, quả, phương tiện giao thông đơn giản gần gũi bằng tiếng Anh.
- Trẻ nói được một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.	- Nói một số câu chào hỏi, cảm ơn xin lỗi... bằng tiếng Anh.

MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHO TRẺ MẪU GIÁO TIẾP CẬN VỚI CÔNG NGHỆ SỐ

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
- Trẻ biết tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại... và thao tác mở một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.	- Dạy trẻ tắt, mở máy tính, ti vi, điện thoại và một số chương trình, phần mềm dành cho trẻ mầm non.

- Trẻ biết sử dụng được bảng tương tác.	- Dạy trẻ sử dụng được bảng tương tác.
- Có khả năng mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.	- Dạy trẻ mở được đường link và sử dụng một số phần mềm vui chơi, học tập dành cho trẻ mầm non.

PHẦN BỐN

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN- ĐỘ TUỔI 5 TUỔI

STT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non	3	09/9 - 27/9/2024	
2	Bản thân	3	30/9 - 18/10/2024	
3	Gia đình	4	21/10 - 15/11/2024	
4	Một số nghề	5	18/11- 20/12/2024	
5	Thế giới động vật	4	23/12 – 17/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	2	20/01 – 07/02/2025	<i>Có thời gian nghỉ Tết nguyên Đán</i>
7	Thế giới thực vật	4	10/02 – 07/3/2025	
8	Giao thông	3	10/3 - 28/3/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	31/3 - 18/4/2025	
10	Quê hương - đất nước - Bác Hồ	2	21/4 - 02/5/2025	

11	Trường Tiểu học	2	05/4 – 16/5/2025	
----	-----------------	---	------------------	--

2. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN – MG 4 TUỔI

STT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non	3	09/9 - 27/9/2024	
2	Bản thân	3	30/9 - 18/10/2024	
3	Gia đình	4	21/10 - 15/11/2024	
4	Một số nghề	5	18/11- 20/12/2024	
5	Thế giới động vật	4	23/12 – 17/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	2	20/01 – 07/02/2025	<i>Có thời gian nghỉ Tết nguyên Đán</i>
7	Thế giới thực vật	5	10/02 - 14/3/2025	
8	Giao thông	3	17/3 - 4/4/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	07/4 - 25/4/2025	
10	Quê hương - đất nước - Bác Hồ	3	28/4 - 16/5/2025	

3. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN KHỐI 3T

STT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Trường mầm non	3	09/9 - 27/9/2024	
2	Bản thân	3	30/9 - 18/10/2024	
3	Gia đình	4	21/10 - 15/11/2024	
4	Một số nghề	5	18/11 - 20/12/2024	
5	Thế giới động vật	4	23/12 – 17/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	2	20/01 – 07/02/2025	<i>Có thời gian nghỉ Tết nguyên Đán</i>
7	Thế giới thực vật	5	10/02 - 14/3/2025	
8	Giao thông	3	17/3 - 4/4/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	07/4 - 25/4/2025	
10	Quê hương - đất nước - Bác Hồ	3	28/4 - 16/5/2025	

4. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN – NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

STT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian thực hiện	
1	Bé vui đến trường	3	09/9 - 27/9/2024	

2	Bản thân	3	30/9 -18/10/2024	
3	Đồ dùng đồ chơi trong lớp bé	4	21/10 - 15/11/2024	
4	Thế giới thực vật quanh bé	5	18/11- 20/12/2024	
5	Những con vật đáng yêu	4	23/12 – 17/01/2025	
6	Tết và mùa xuân	3	20/01 - 14/02/2025	<i>Có thời gian nghỉ Tết nguyên Đán</i>
7	Gia đình bé yêu	5	17/02 - 21/3/2025	
8	Giao thông	4	24/3 - 19/4/2025	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	4	21/4 - 16/5/2025	

Trên đây là Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024-2025 của trường Mầm non Cửu Cao. Đề nghị tổ các chuyên môn và giáo viên toàn trường nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:


- BGH (để chỉ đạo);
- Tổ CM, GV (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Hải

**NGƯỜI XÂY DỰNG
P. HIỆU TRƯỞNG**



Vũ Thị Hiền

